

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN UỶN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 23/02/2021, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Lê Tấn H sống chung với nhau vào năm 2008 đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, Uện Hàm Thuận Bắc. Việc sống chung là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống với nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp quan điểm sống,*

vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh H không chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà chỉ lo chơi bời, cá độ đá gà. Chị T đã nhiều lần góp ý nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy, không hề thay đổi, còn chửi mắng, đánh đập chị T. Vào tháng 10/2020, chị Thảo đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa yêu cầu giải quyết ly hôn cũng với lý do trên, nhưng sau khi Tòa thụ lý thì chị Thảo tự nguyện rút đơn để vợ chồng có thời gian suy nghĩ và hàn gắn quan hệ vợ chồng lại với nhau, nên tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ tháng 7/2020 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không liên lạc để hàn gắn hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Tấn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê U, sinh ngày 15/3/2009; Lê Q, sinh ngày 24/5/2016. Hiện nay con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng vì chị đủ khả năng tự nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do anh Lê Tấn H vắng mặt nên yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh Lê Tấn H để tổng đạt các văn bản tố tụng, anh Lê Tấn H cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nên Tòa xét xử vắng mặt đối với anh H theo qui định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Uện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa thứ nhất và phiên tòa hôm nay.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn anh Lê Tấn H. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã Hàm Chính, Uện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 01 Điều 28, Điểm a Khoản 01 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân Uện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về tố tụng: Xét bị đơn anh Lê Tấn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Tấn H.

[3]. Về nội dung:

+ *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Tấn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, Uện Hàm Thuận Bắc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2013, quyền số 01/2012 ngày 22/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, Uện Hàm Thuận Bắc, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này chị T khai ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh H không chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà chỉ lo chơi bời, cá độ đá gà. Chị T đã nhiều lần góp ý nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy, không hề thay đổi, còn chửi mắng, đánh đập chị T. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ tháng 7/2020 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không liên lạc để hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện qua việc trước đây, chị Thảo cũng đã có đơn gửi đến Tòa án nhân dân Uện Hàm Thuận Bắc yêu cầu giải quyết ly hôn cho chị Thảo cũng với lý do trên, sau khi Tòa thụ lý giải

quyết thì chị Thảo cũng muốn có thời gian để suy nghĩ và hàn gắn lại quan hệ vợ chồng với nhau nên chị Thảo đã làm đơn xin rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Uện Hàm Thuận Bắc đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2021. Tuy nhiên, sau đó, thì anh Hoài vẫn không thay đổi gì nên chị không thể chịu đựng được mà tiếp tục gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn. Đồng thời, khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị T thì anh H không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh H vắng mặt không tham dự. Việc anh H không có ý kiến khi chị T xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Chứng tỏ, anh H không có thiện chí hòa giải tình cảm để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T, mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê U, sinh ngày 15/3/2009; Lê Q, sinh ngày 24/5/2016. Hiện nay con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng vì chị đủ khả năng tự nuôi con.

Xét yêu cầu của chị T Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Q còn nhỏ mới gần 5 tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, còn con tên U đã trên 7 tuổi, khi hỏi nguyện vọng của cháu U thì cháu có yêu cầu được ở với mẹ là chị T, hiện nay chị T cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng, và trong thời gian qua chị T nuôi dưỡng 02 con tốt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Việc chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê U, sinh ngày 15/3/2009; Lê Q, sinh ngày 24/5/2016 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con, nhưng chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng vì chị đủ khả năng, điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- + Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- + Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Lê Tấn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 01 Điều 28, Điểm a Khoản 01 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Tấn H.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê U, sinh ngày 15/3/2009; Lê Q, sinh ngày 24/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Lê Tấn H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0009913 ngày 03 tháng 3

năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Uện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, nên không phải nộp nữa.

Anh Lê Tấn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân Uện Hàm Thuận Bắc.
- Thi hành án dân sự Uện Hàm Thuận Bắc.
- UBND xã Hàm Chính.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Tâm